

Số: 1172/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17/6/2026

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hà Anh Tuấn;
- Bà Phạm Viết Lê Trinh.

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hạnh Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 327/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 414/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2026/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: bà Đoàn Thị Ngọc T1, sinh ngày 09/8/2005; (*có đơn xin vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: khóm T 1, tỉnh Đ

Bị đơn: ông Trần Thanh T2, sinh ngày 10/4/1995; (*vắng mặt*)

Địa chỉ thường trú: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: phường H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, bà Đoàn Thị Ngọc T1 trình bày: bà Trâm và ông Trần Thanh T2 sống chung với nhau và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2024 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/9/2024. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó giữa bà T1 và ông Trần Thanh T2 không còn hiểu nhau, giữa hai người có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm, dẫn đến phát sinh nhiều mâu thuẫn

không thể giải quyết được, bà T1 và ông Trần Thanh T2 không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau.

Bà nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, hiện nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, quan hệ vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Thanh T2.

Về con chung và cấp dưỡng cho con: trong quá trình chung sống, bà và ông Trần Thanh T2 có 01 con tên Trần Quỳnh K, sinh ngày 17/12/2024, bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông Trần Thanh T2 cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Ngoài ra, bà Đoàn Thị Ngọc T1 không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Ông Trần Thanh T2 vắng mặt không có lý do chính đáng.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không yêu cầu gì thêm.

Bị đơn ông Trần Thanh T2 đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai để Tòa án tiến hành xét xử nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Trần Thanh T2, về con chung và cấp dưỡng cho con: giao con chung là trẻ Trần Quỳnh K cho bà Đoàn Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Ngọc T1 không yêu cầu ông Trần Thanh T2 cấp dưỡng cho con; về tài sản chung và nợ chung: bà Đoàn Thị Ngọc T1 khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.]. Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Đoàn Thị Ngọc T1 có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T2 nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn.

Thẩm quyền giải quyết: ông Trần Thanh T2 có địa chỉ thường trú: phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ tạm trú: phường H, Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Mục 15.163 Phụ lục kèm theo Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/06/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp Tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng: bị đơn ông Trần Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ngọc T1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn là bà Đoàn Thị Ngọc T1 về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T2, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Đoàn Thị Ngọc T1 và ông Trần Thanh T2 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2024 và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104/2024 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2024, đây là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do mâu thuẫn nên bà Đoàn Thị Ngọc T1 có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T2.

[3.2]. Qua yêu cầu của bà Đoàn Thị Ngọc T1, Hội đồng xét xử xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin yêu, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau nhưng hiện tại thì bà Đoàn Thị Ngọc T1 đã không còn tha thiết chung sống với ông Trần Thanh T2 nữa.

[3.3]. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn bà Đoàn Thị Ngọc T1, Hội đồng xét xử nhận thấy giữa bà Đoàn Thị Ngọc T1 và ông Trần Thanh T2 có mâu thuẫn trong hôn nhân. Bên cạnh đó, mặc dù Tòa án đã tổng đạt nhiều lần nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh T2 vẫn không đến và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến cá nhân của ông. Từ đó nhận thấy, ông Trần Thanh T2 không muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà Đoàn Thị Ngọc T1. Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đoàn Thị Ngọc T1.

[3.4]. Về con chung: nguyên đơn trình bày trong quá trình chung sống với ông Trần Thanh T2 có 01 (một) con chung tên Trần Quỳnh K, sinh ngày 17/12/2024. Bà Đoàn Thị Ngọc T1 có yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ Trần Quỳnh K, sinh ngày 17/12/2024. Trẻ Trần Quỳnh K, hiện nay dưới 36 tháng tuổi, để bảo đảm phát triển tâm sinh lý, ổn định môi trường sống, quyền lợi về mọi mặt của con thì nên cần giao con chung cho mẹ trực tiếp

nuôi dưỡng sẽ thuận lợi cho trẻ. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao trẻ Trần Quỳnh K cho bà Đoàn Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[3.5]. Về cấp dưỡng cho con: bà Đoàn Thị Ngọc T1 không yêu cầu ông Trần Thanh T2 cấp dưỡng cho con, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Trâm về việc không yêu cầu ông Toàn cấp dưỡng.

[3.6]. Về tài sản chung và nợ chung: bà Đoàn Thị Ngọc T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Xét, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5]. Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên bà Đoàn Thị Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; Điều 227; Điều 228; Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 của Luật số 85/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ các điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBNTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đoàn Thị Ngọc T1.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Đoàn Thị Ngọc T1 được ly hôn với ông Trần Thanh T2.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104/2024 do Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/8/2024 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: giao con chung là trẻ Trần Quỳnh K, sinh ngày 17/12/2024 cho bà Đoàn Thị Ngọc T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng cho con: ghi nhận sự tự nguyện của bà Đoàn Thị Ngọc T1 không yêu cầu ông Trần Thanh T2 cấp dưỡng cho con.

Cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

1.4. Về tài sản chung và nợ chung: bà Đoàn Thị Ngọc T1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: bà Đoàn Thị Ngọc T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010141 ngày 03/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV9 - TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Gấm